

Bản án số: **75/2026/HNGĐ – ST**

Ngày: 26/5/2026

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Nhật Minh.

2/ Ông Hồ Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Nhuận – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 88/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lương Thị L**, sinh năm: 1998.

Nơi đăng ký thường trú: **Xóm N, xã Q, tỉnh Nghệ An.**

Tạm trú tại: **Bản M, xã T, tỉnh Nghệ An.**

Căn cước công dân số: 040198018926.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Vi Văn C**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: **Xóm N, xã Q, tỉnh Nghệ An.**

Căn cước công dân số 040088030577.

(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2026, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị **Lương Thị L** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lương Thị L** và anh **Vi Văn Chung** kết H tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/05/2019 tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An** (Sau sáp nhập nay là **xã Q, tỉnh Nghệ An**). Trong cuộc sống chung do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay nhận thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài vì vậy chị **Lương Thị L** yêu cầu được ly hôn với anh **Vi Văn C**.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, chị **Lương Thị L** và anh **Vi Văn C** có một con chung là **Vi Thị Phương M**, sinh ngày 22/12/2020. Giải quyết ly hôn chị **Lương Thị L** đồng ý giao con chung cho anh **Vi Văn C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, đồng thời tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **L**.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án chị **Lương Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại nội dung bản tự khai – trình bày của cá nhân ngày 11/4/2026 bị đơn anh **Lương Văn LI** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lương Thị L** và anh **Vi Văn Chung** kết H tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **C**, huyện **Q**, tỉnh **Nghệ An** (Nay là xã **Q**, tỉnh **Nghệ An**) vào năm 2019. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng tuy có thỉnh thoảng xảy ra xích mích, mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức phải ly hôn, do đó anh **Vi Văn C** không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh **Vi Văn C** và chị **Lương Thị L** có một con chung tên là **Vi Thị Phương M**, sinh ngày 22/12/2020. Nếu giải quyết ly hôn anh **Vi Văn C** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không có yêu cầu gì khác.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã ban hành các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập cho bị đơn **Vi Văn C** nhưng anh **C** không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng tình tự thủ tục theo pháp luật quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai do đó cần xem xét áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **Lương Thị L** được ly hôn với anh **Vi Văn C**.

Về con chung: Giao con chung **Vi Thị Phương M**, sinh ngày 22/12/2020 cho anh **Vi Văn C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **Lương Thị L**.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Mỗi quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị **Lương Thị L** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh **Vi Văn C** đồng thời giao con chung là **Vi Thị Phương M**, sinh ngày 22/12/2020 cho anh **Vi Văn C** trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[1.2] Bị đơn anh **Vi Văn C** có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú ở **xóm N, xã Q, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung), vụ án xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An theo đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đầy đủ, đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án đã ban hành các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập cho bị đơn **Vi Văn C** nhưng anh **C** không đến Tòa án làm việc, căn cứ theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự.

[1.4] Trước khi vụ án được đưa ra xét xử, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự tại phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Lương Thị L** và anh **Vi Văn C** đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã **C, huyện Q, tỉnh Nghệ An** (Sau sáp nhập nay là **xã Q, tỉnh Nghệ An**). Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị **Lương Thị L** và anh **Vi Văn C** là hợp pháp.

Nguyên nhân, lý do yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn: Theo nguyên đơn Trong cuộc sống chung do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nay thấy mục đích của hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy chị **L** yêu cầu được ly hôn với anh **Vi Văn C**. Đối với bị đơn anh **Vi Văn C** có văn bản trình bày ý kiến xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức phải ly hôn, nên anh **Vi Văn C** không đồng ý giải quyết ly hôn.

Xét thấy trong thời gian chung sống với nhau giữa vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không có nỗ lực gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ ý kiến của các đương sự cùng những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị **Lương Thị L** được ly hôn với anh **Vi Văn C** là có căn cứ.

[3] **Về con chung:** Chị **Lương Thị L** và anh **Vi Văn C** có một người con chung tên là **Vi Thị Phương M**, sinh ngày 22/12/2020. Nguyên đơn chị **L** đồng ý giao con chung cho anh **Vi Văn C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đề nghị tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị **L**. Bị đơn anh **Vi Văn C** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành và không có yêu cầu gì về cấp dưỡng.

Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống và sự phát triển ổn định về mọi mặt của con cần tiếp tục giao con chung cho anh **Vi Văn C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **L** là phù hợp. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] **Về tài sản chung:** Chị **Lương Thị L** và anh **Vi Văn C** không yêu cầu Tòa án giải quyết, xét thấy rằng ý kiến của nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc với bên thứ ba, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận. Phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chưa được giải quyết (nếu có), sau này nếu xảy ra tranh chấp hai bên có quyền tự thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] **Về án phí:** Nguyên đơn chị **Lương Thị L** chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 81; 82; 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị **Lương Thị L** được ly hôn với anh **Vi Văn C**.

[2] **Về con chung:** Giao con chung **Vi Thị Phương M**, sinh ngày 22/12/2020 cho chị anh **Vi Văn C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 5 năm 2026 cho đến đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **Lương Thị L**

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] **Về án phí:** Chị **Lương Thị L** chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002278, ngày 06 tháng 4 năm 2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hà Văn Đông